

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG TCN NẤU ĂN-NGHIỆP VỤ DU LỊCH
VÀ THỜI TRANG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 89 /QĐ-NADLTT

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho học sinh hệ Trung cấp nghề
Kỹ thuật chế biến món ăn NA1, NA2, NA3, NA4, NA5; Kỹ thuật làm bánh; Kỹ thuật
pha chế đồ uống; May thời trang khóa 13 và học sinh thi cùng đợt

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TCN NẤU ĂN - NGHIỆP VỤ DU LỊCH VÀ THỜI TRANG HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 8199/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sáp nhập Trường trung cấp nghề May và Thời trang Hà Nội vào Trường trung cấp nghề Nấu ăn và Nghiệp vụ khách sạn Hà Nội và tổ chức lại Trường trung cấp nghề Nấu ăn và Nghiệp vụ khách sạn Hà Nội trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Biên bản họp xét kết quả tốt nghiệp lớp Trung cấp nghề Kỹ thuật chế biến món ăn NA1, NA2, NA3, NA4, NA5; Kỹ thuật làm bánh; Kỹ thuật pha chế đồ uống; May thời trang khóa 13 và học sinh thi cùng đợt của Hội đồng thi tốt nghiệp khóa 13 ngày 11/3/2022;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Trung cấp nghề cho 146 học sinh lớp Trung cấp nghề Kỹ thuật chế biến món ăn NA1, NA2, NA3, NA4, NA5; Kỹ thuật làm bánh; Kỹ thuật pha chế đồ uống; May thời trang khóa 13 và học sinh thi cùng đợt (có danh sách kèm theo)

Trong đó:

Lớp NA1 - K13:	23	học sinh
Lớp NA2 - K13:	24	học sinh
Lớp NA3- K13:	26	học sinh
Lớp NA4 - K13:	25	học sinh
Lớp NA5 - K13:	10	học sinh
Lớp Bánh - K13:	13	học sinh
Lớp PCGK - K13:	14	học sinh
Lớp MTT1 - K13:	5	học sinh
Học sinh thi cùng đợt:	6	học sinh

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN HỌC SINH TỐT NGHIỆP CÁC LỚP TRUNG CẤP NGHỀ
KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN NA1, NA2, NA3, NA4, NA5; KỸ THUẬT LÀM BÁNH; KỸ
THUẬT PHA CHẾ ĐỒ UỐNG; MÁY THỜI TRANG KHÓA 13 VÀ HỌC SINH THI CÙNG ĐỢT**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 89 /QĐ-NADLTT ngày 14 tháng 3 năm 2022
của Hiệu trưởng trường TCN Nấu ăn-NVDL và thời trang Hà Nội)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	Đỗ Ngọc An	09/08/2001	NA1 K13	
2	Mai Duy An	28/11/2001	NA1 K13	
3	Đỗ Trâm Anh	06/04/2002	NA1 K13	
4	Hồ Minh Anh	06/08/1998	NA1 K13	
5	Cao Xuân Chính	13/02/2001	NA1 K13	
6	Nguyễn Ngọc Duy	28/05/2001	NA1 K13	
7	Lê Văn Đạt	28/09/2001	NA1 K13	
8	Phùng Đức Điều	09/06/2001	NA1 K13	
9	Lại Đăng Hào	19/10/2001	NA1 K13	
10	Nguyễn Dương Tùng Lâm	24/02/2001	NA1 K13	
11	Nguyễn Tùng Lâm	06/01/1997	NA1 K13	
12	Đinh Công Minh	30/10/1998	NA1 K13	
13	Quách Trọng Nhân	16/05/2001	NA1 K13	
14	Lê Văn Nhất	15/11/2001	NA1 K13	
15	Phạm Huy Phong	24/06/1996	NA1 K13	
16	Lê Văn Quang	02/01/2001	NA1 K13	
17	Phạm Văn Quyết	15/07/2001	NA1 K13	
18	Cao Trọng Tấn	18/11/2000	NA1 K13	
19	Nguyễn Ngọc Thắng	31/07/1998	NA1 K13	
20	Nguyễn Kim Thu	25/11/2003	NA1 K13	
21	Nguyễn Tiến Toàn	18/04/1997	NA1 K13	
22	Trần Quang Trường	18/09/2000	NA1 K13	
23	Nguyễn Minh Tuấn	10/01/2001	NA1 K13	
24	Chu Văn Hoàn	25/12/2004	NA2 K13	
25	Lê Bảo Anh	31/12/2004	NA2 K13	
26	Nguyễn Thế Anh	22/11/2004	NA2 K13	
27	Phùng Tuấn Anh	04/07/2004	NA2 K13	



TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
28	Trần Xuân Bình	24/11/2003	NA2 K13	
29	Nguyễn Thu Chinh	23/10/2004	NA2 K13	
30	Phùng Đức Chung	04/09/2004	NA2 K13	
31	Phùng Xuân Cường	04/12/2004	NA2 K13	
32	Chu Minh Dương	06/06/2004	NA2 K13	
33	Chu Thành Đạt	05/12/2003	NA2 K13	
34	Khuất Minh Hiếu	22/12/2003	NA2 K13	
35	Phùng Trang Hoàng	07/04/2004	NA2 K13	
36	Quách Mạnh Hùng	01/10/2004	NA2 K13	
37	Phùng Thị Thu Huyền	28/06/1988	NA2 K13	
38	Nguyễn Đức Minh	08/12/2004	NA2 K13	
39	Nguyễn Thành Nam	16/07/2001	NA2 K13	
40	Nguyễn Khương Phú	03/09/2001	NA2 K13	
41	Bùi Minh Quyên	28/02/2004	NA2 K13	
42	Phùng Anh Quyền	16/11/2004	NA2 K13	
43	Nguyễn Minh Thái	03/07/2004	NA2 K13	
44	Phùng Thị Thoa	02/11/2004	NA2 K13	
45	Nguyễn Thanh Tùng	24/09/2004	NA2 K13	
46	Nguyễn Quốc Việt	06/07/2004	NA2 K13	
47	Nguyễn Anh Vũ	07/03/2004	NA2 K13	
48	Chu Phan Anh	14/08/2003	NA3 K13	
49	Nguyễn Đức Anh	03/09/2002	NA3 K13	
50	Nguyễn Quỳnh Anh	19/10/2004	NA3 K13	
51	Hồng Gia Bảo	26/01/2004	NA3 K13	
52	Nguyễn Kim Bình	28/10/2004	NA3 K13	
53	Trần Tiến Dũng	22/12/2001	NA3 K13	
54	Chu Quang Hà	12/07/2002	NA3 K13	
55	Nguyễn Thanh Hà	18/07/2004	NA3 K13	
56	Phạm Lưu Phương Hà	30/08/2004	NA3 K13	
57	Bùi Đắc Hiếu	08/07/2004	NA3 K13	
58	Lê Quang Huy	18/05/2004	NA3 K13	
59	Lê Tuấn Huy	16/08/2003	NA3 K13	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
60	Bùi Xuân Hưng	29/02/2004	NA3 K13	
61	Nguyễn Trung Kiên	02/09/2004	NA3 K13	
62	Lê Đức Long	03/05/2004	NA3 K13	
63	Trần Phan Dư Lộc	28/10/2004	NA3 K13	
64	Nguyễn Kim Ngân	20/03/2004	NA3 K13	
65	Trần Trung Nguyên	06/02/2004	NA3 K13	
66	Mai Trần Sơn Phong	23/11/2004	NA3 K13	
67	Tạ Duy Thái	18/10/2003	NA3 K13	
68	Nguyễn Ngọc Thu Thảo	11/09/2004	NA3 K13	
69	Tăng Minh Thu	19/11/2004	NA3 K13	
70	Nguyễn Dương Thanh Trúc	16/11/2004	NA3 K13	
71	Nguyễn Tuấn Tú	08/06/2001	NA3 K13	
72	Lê Anh Tùng	15/08/2004	NA3 K13	
73	Nguyễn Hà Vy	04/08/2004	NA3 K13	
74	Đỗ Thị Anh	15/09/2001	NA4 K13	
75	Nguyễn Hải Dương	09/09/2001	NA4 K13	
76	Nguyễn Gia Hải Đăng	21/06/1999	NA4 K13	
77	Phạm Minh Đoàn	18/07/2001	NA4 K13	
78	Vũ Công Đoàn	23/08/2001	NA4 K13	
79	Hoàng Tài Đức	09/06/2000	NA4 K13	
80	Nguyễn Văn Đức	07/09/2001	NA4 K13	
81	Kim Tae Gyum	24/11/1999	NA4 K13	
82	Nguyễn Văn Hậu	22/02/2001	NA4 K13	
83	Đinh Văn Khánh	09/12/2000	NA4 K13	
84	Nguyễn Quyền Linh	17/12/2000	NA4 K13	
85	Nguyễn Thị Linh	22/06/2001	NA4 K13	
86	Nguyễn Phương Nam	11/07/2001	NA4 K13	
87	Nguyễn Tài Nam	01/11/2001	NA4 K13	
88	Ngô Trang Nhung	05/01/2001	NA4 K13	
89	Nguyễn Văn Phương	15/11/2001	NA4 K13	
90	Lê Hữu Quang	28/08/2001	NA4 K13	
91	Bùi Mậu Tâm	29/09/2001	NA4 K13	

TÊN B
 HỌ T
 SỐ QUÂN
 NGÀY Đ
 ĐƠN VỊ
 CHỨC VỤ
 CHỖ ĐÓNG CHỮ
 CHỖ ĐÓNG CHỮ

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
92	Ứng Văn Thắng	14/03/2001	NA4 K13	
93	Nguyễn Tiến Thùy	14/11/1994	NA4 K13	
94	Bùi Thanh Tú	10/11/2001	NA4 K13	
95	Nguyễn Đức Tú	23/12/2003	NA4 K13	
96	Khương Văn Tuấn	01/04/2000	NA4 K13	
97	Phạm Văn Tuấn	29/09/2001	NA4 K13	
98	Hoàng Văn Yêu	04/06/2001	NA4 K13	
99	Ngô Xuân Chuẩn	29/04/2001	NA5 K13	
100	Nguyễn Thị Thùy Dung	30/10/1985	NA5 K13	
101	Phạm Quang Duy	03/04/1995	NA5 K13	
102	Bùi Trung Hiếu	24/03/2001	NA5 K13	
103	Vương Trí Hiếu	29/04/2000	NA5 K13	
104	Nguyễn Bá Long	10/08/1994	NA5 K13	
105	Nguyễn Đức Mạnh	07/10/2001	NA5 K13	
106	Trương Minh Thắng	02/01/2001	NA5 K13	
107	Trần Văn Tiến	23/07/1999	NA5 K13	
108	Trần Thị Hải Yến	19/01/2000	NA5 K13	
109	Nguyễn Minh Anh	17/06/2004	Bánh K13	
110	Trần Nho Ngọc Anh	24/10/2001	Bánh K13	
111	Nguyễn Thùy Dung	23/07/1999	Bánh K13	
112	Nguyễn Xuân Hậu	26/04/2001	Bánh K13	
113	Nguyễn Thu Hồng	03/03/2001	Bánh K13	
114	Nguyễn Bích Huyền	19/09/2000	Bánh K13	
115	Trịnh Trà My	13/08/2004	Bánh K13	
116	Nguyễn Tiến Nam	08/02/1996	Bánh K13	
117	Hoàng Vũ Quân	14/12/1999	Bánh K13	
118	Dương Đỗ Quyên	06/01/2004	Bánh K13	
119	Nguyễn Xuân Sơn	27/09/2000	Bánh K13	
120	Hoàng Thị Thu Thảo	22/05/2001	Bánh K13	
121	Dương Thanh Trà	07/11/2004	Bánh K13	
122	Nguyễn Thị Bích Hòa	01/12/2004	PCGK K13	
123	Nguyễn Thế Hoàng	26/05/1994	PCGK K13	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
124	Lê Minh Hồng	07/09/2002	PCGK K13	
125	Lò Mai Khanh	14/08/2001	PCGK K13	
126	Lâm Duy Khánh	20/3/2004	PCGK K13	
127	Đặng Trung Kiên	01/11/2000	PCGK K13	
128	Cao Khánh Ly	20/11/2004	PCGK K13	
129	Đỗ Văn Thành	20/10/2004	PCGK K13	
130	Phương Thái Toàn	25/10/2004	PCGK K13	
131	Hoàng Minh Tú	22/03/2000	PCGK K13	
132	Tạ Quang Tú	01/07/2001	PCGK K13	
133	Nguyễn Minh Tuấn	10/01/2001	PCGK K13	
134	Trần Phương Vy	18/09/2001	PCGK K13	
135	Hà Quang Vinh	07/09/1998	PCGK K13	
136	Ngô Thị Hà	03/09/2000	MTT1 K13	
137	Phạm Thị Yến Ngọc	13/11/2001	MTT1 K13	
138	Nguyễn Phương Thảo	18/5/2002	MTT1 K13	
139	Hà Thu Thủy	21/03/1983	MTT1 K13	
140	Vũ Quỳnh Trang	13/12/2004	MTT1 K13	
141	Phạm Minh Đức	22/04/1998	NA3 K11	Thi TN cùng đợt
142	Chu Đức Huy	04/10/1997	NA4- K12	Thi TN cùng đợt
143	Phạm Bá Tuấn	27/07/2000	NA5-K12	Thi TN cùng đợt
144	Trần Duy Phú	19/09/1997	NA7-K12	Thi TN cùng đợt
145	Lại Huy Phong	03/12/1996	NA7-K12	Thi TN cùng đợt
146	Phạm Thanh Tú	04/01/2003	NA7-K12	Thi TN cùng đợt

14/09/2024

Số: 91 /QĐ-NADLTT

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho học sinh hệ Trung cấp nghề
Kỹ thuật chế biến món ăn NA.Chương Mỹ; NA.Sóc Sơn; NA.Đan Phượng 1,2;
NA.Thanh Xuân; May thời trang Phúc Thọ khóa 13 và học sinh thi cùng đợt

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TCN NẤU ĂN - NGHIỆP VỤ DU LỊCH VÀ THỜI TRANG HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 8199/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sáp nhập Trường trung cấp nghề May và Thời trang Hà Nội vào Trường trung cấp nghề Nấu ăn và Nghiệp vụ khách sạn Hà Nội và tổ chức lại Trường trung cấp nghề Nấu ăn và Nghiệp vụ khách sạn Hà Nội trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Biên bản họp xét kết quả tốt nghiệp lớp Trung cấp nghề Kỹ thuật chế biến món ăn NA.Chương Mỹ; NA.Sóc Sơn; NA.Đan Phượng 1,2; NA.Thanh Xuân; May thời trang Phúc Thọ khóa 13 và học sinh thi cùng đợt của Hội đồng thi tốt nghiệp khóa 13 ngày 11/3/2022 ;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Trung cấp nghề cho 222 học sinh lớp Trung cấp nghề Kỹ thuật chế biến món ăn NA.Chương Mỹ; NA.Sóc Sơn; NA.Đan Phượng 1,2; NA.Thanh Xuân; May thời trang Phúc Thọ khóa 13 và học sinh thi cùng đợt (có danh sách kèm theo)

Trong đó:

Lớp NA Chương Mỹ - K13	:	45	học sinh
Lớp NA Sóc Sơn - K13	:	43	học sinh
Lớp NA Đan Phượng 1 - K13	:	45	học sinh
Lớp NA Đan Phượng 2 - K13	:	38	học sinh
Lớp NA Thanh Xuân - K13	:	32	học sinh
Lớp MTT Phúc Thọ - K13 và học sinh thi cùng đợt:		19	học sinh

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Phòng Tổ chức hành chính, Bộ phận Kế toán và các em học sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT,ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Hùng

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN HỌC SINH TỐT NGHIỆP LỚP TRUNG CẤP NGHỀ
KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN NA THANH XUÂN; NA CHƯƠNG MỸ; NA ĐAN PHƯỢNG 1,2;
NA SÓC SƠN; MAY THỜI TRANG MTT PHÚC THỌ KHÓA 13 VÀ HỌC SINH THI CÙNG ĐỢT**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 91 /QĐ-NADLTT ngày 14 tháng 3 năm 2022
của Hiệu trưởng trường TCN Nấu ăn-NVDL và thời trang Hà Nội*

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
1	Lê Quốc An	05/02/2001	NA Thanh Xuân K13	
2	Lê Ngọc Anh	22/12/2004	NA Thanh Xuân K13	
3	Nguyễn Hải Anh	17/05/2004	NA Thanh Xuân K13	
4	Nguyễn Trần Tuấn Anh	17/10/2004	NA Thanh Xuân K13	
5	Cung Quốc Công	30/06/2004	NA Thanh Xuân K13	
6	Trần Tuấn Duy	31/12/2003	NA Thanh Xuân K13	
7	Trịnh Nhất Duy	24/01/2004	NA Thanh Xuân K13	
8	Nguyễn Hà Dương	24/11/2003	NA Thanh Xuân K13	
9	Nguyễn Văn Giang	20/09/2003	NA Thanh Xuân K13	
10	Phan Trần Thu Hằng	20/10/2004	NA Thanh Xuân K13	
11	Phạm Minh Hiền	05/08/2004	NA Thanh Xuân K13	
12	Đào Phương Hoa	05/10/2004	NA Thanh Xuân K13	
13	Nguyễn Hải Hùng	07/04/2004	NA Thanh Xuân K13	
14	Nguyễn Anh Huy	09/02/2004	NA Thanh Xuân K13	
15	Nguyễn Anh Khoa	18/10/2001	NA Thanh Xuân K13	
16	Trần Cao Kỳ	23/03/2004	NA Thanh Xuân K13	
17	Đặng Thị Tuyết Linh	08/09/2004	NA Thanh Xuân K13	
18	Bùi Mai Loan	28/06/1969	NA Thanh Xuân K13	
19	Bùi Thị Thanh Nhân	13/03/2004	NA Thanh Xuân K13	
20	Bùi Thị Hồng Nhung	26/11/2003	NA Thanh Xuân K13	
21	Nguyễn Sỹ Phong	20/12/2003	NA Thanh Xuân K13	
22	Nguyễn Thu Phương	12/02/2004	NA Thanh Xuân K13	
23	Nguyễn Minh Quân	29/08/2003	NA Thanh Xuân K13	
24	Nguyễn Hoàng Thảo Quyên	06/01/2004	NA Thanh Xuân K13	
25	Nguyễn Văn Sơn	25/04/2004	NA Thanh Xuân K13	
26	Nguyễn Tôn Tài	11/09/2004	NA Thanh Xuân K13	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
27	Nguyễn Đức Thành	28/10/2004	NA Thanh Xuân K13	
28	Nguyễn Thùy Trang	24/10/2004	NA Thanh Xuân K13	
29	Nguyễn Thu Uyên	08/11/2004	NA Thanh Xuân K13	
30	Trần Anh Văn	12/07/2003	NA Thanh Xuân K13	
31	Đặng Anh Vũ	08/04/2004	NA Thanh Xuân K13	
32	Ngô Thị Xuyên	08/02/1984	NA Thanh Xuân K13	
33	Hoàng Đức Anh	23/07/2004	NA Chương Mỹ K13	
34	Nguyễn Đức Anh	29/08/2004	NA Chương Mỹ K13	
35	Lê Việt Anh	27/07/2004	NA Chương Mỹ K13	
36	Dương Kim Anh	10/10/2004	NA Chương Mỹ K13	
37	Tổng Bá Thế Anh	11/10/2004	NA Chương Mỹ K13	
38	Lê Đức Anh	23/10/2003	NA Chương Mỹ K13	
39	Nguyễn Thị Phương Anh	25/05/2004	NA Chương Mỹ K13	
40	Nguyễn Nguyệt Ánh	27/10/2004	NA Chương Mỹ K13	
41	Trịnh Hồng Ánh	29/06/2004	NA Chương Mỹ K13	
42	Nguyễn Thị Phương Châm	19/04/2004	NA Chương Mỹ K13	
43	Lê Đình Đại	11/05/2004	NA Chương Mỹ K13	
44	Đặng Đình Đạt	24/11/2004	NA Chương Mỹ K13	
45	Nguyễn Thị Kiều Diễm	26/10/2004	NA Chương Mỹ K13	
46	Trần Ngọc Hà	30/07/2004	NA Chương Mỹ K13	
47	Nguyễn Quốc Hiếu	21/02/2003	NA Chương Mỹ K13	
48	Mạc Thị Hồng	10/10/2004	NA Chương Mỹ K13	
49	Bùi Minh Huệ	04/07/2004	NA Chương Mỹ K13	
50	Lê Đức Hùng	18/09/2004	NA Chương Mỹ K13	
51	Nguyễn Thị Liên	07/10/2004	NA Chương Mỹ K13	
52	Tô Thị Linh	18/11/2004	NA Chương Mỹ K13	
53	Trịnh Hữu Long	28/10/2004	NA Chương Mỹ K13	
54	Hồ Văn Long	28/08/2004	NA Chương Mỹ K13	
55	Nguyễn Văn Mạnh	28/08/2004	NA Chương Mỹ K13	
56	Nguyễn Đăng Mạnh	18/09/2004	NA Chương Mỹ K13	
57	Đặng Quốc Minh	03/10/2004	NA Chương Mỹ K13	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
58	Nguyễn Tiến Minh	18/03/2004	NA Chương Mỹ K13	
59	Ngô Thị Ngọc	11/12/2004	NA Chương Mỹ K13	
60	Nguyễn Thị Ngọc	13/10/2004	NA Chương Mỹ K13	
61	Nguyễn Văn Nguyên	14/09/2004	NA Chương Mỹ K13	
62	Đào Quang Phát	16/08/2004	NA Chương Mỹ K13	
63	Ngô Thị Phương	26/08/2004	NA Chương Mỹ K13	
64	Nguyễn Hữu Quân	31/08/2004	NA Chương Mỹ K13	
65	Nguyễn Danh Quang	30/04/2004	NA Chương Mỹ K13	
66	Nguyễn Diễm Quỳnh	04/08/2004	NA Chương Mỹ K13	
67	Ngô Văn Thân	14/12/2004	NA Chương Mỹ K13	
68	Trịnh Hữu Thịnh	13/01/2004	NA Chương Mỹ K13	
69	Nguyễn Thị Thu	20/03/2004	NA Chương Mỹ K13	
70	Nguyễn Thị Thương	11/08/2004	NA Chương Mỹ K13	
71	Đặng Thị Trà	15/07/2004	NA Chương Mỹ K13	
72	Ngô Quốc Trị	15/08/2004	NA Chương Mỹ K13	
73	Dương Nguyễn Triển	17/11/2004	NA Chương Mỹ K13	
74	Dương Thị Tươi	29/07/2004	NA Chương Mỹ K13	
75	Nguyễn Đăng Tường	22/11/2004	NA Chương Mỹ K13	
76	Nguyễn Văn Tuyển	25/11/2004	NA Chương Mỹ K13	
77	Ngô Thị Yến	03/12/2004	NA Chương Mỹ K13	
78	Phan Thị Lan Anh	08/04/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
79	Trần Việt Anh	28/06/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
80	Hoàng Thị Ngọc Ánh	28/07/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
81	Hoàng Thị Bưởi	09/12/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
82	Nguyễn Văn Chiến	23/08/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
83	Bùi Mạnh Dũng	21/08/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
84	Nguyễn Hoàng Duy	10/03/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
85	Lê Thị Thùy Dương	11/06/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
86	Nguyễn Thị Bạch Dương	30/12/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
87	Nguyễn Văn Đạt	20/03/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
88	Ngô Thế Đức	16/07/2004	NA Đan Phượng 1 K13	

SINH
TR
TRU
NGH
HIỆP
À TH
H
ĐS

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
89	Nguyễn Văn Đức	29/06/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
90	Lê Thị Hương Giang	17/06/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
91	Nguyễn Thị Thu Hà	29/10/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
92	Đào Đức Hải	26/10/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
93	Tạ Thị Hào	18/09/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
94	Đỗ Thị Ngọc Hoài	23/09/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
95	Trần Huy Hoàng	24/06/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
96	Nguyễn Thị Kim Hồng	27/04/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
97	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	09/12/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
98	Trần Thị Ngọc Huyền	13/12/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
99	Nguyễn Thị Thu Hương	29/04/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
100	Nguyễn Thị Thu Hường	16/02/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
101	Nguyễn Hoàng Lan	16/06/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
102	Nguyễn Thị Khánh Linh	30/10/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
103	Sái Thị Lộc	28/02/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
104	Đỗ Văn Mạnh	09/03/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
105	Nguyễn Huy Mạnh	09/07/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
106	Trần Thị Trà My	24/05/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
107	Nguyễn Đăng Hoài Nam	02/12/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
108	Hoàng Thị Hồng Ngọc	27/01/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
109	Nguyễn Văn Nhật	08/06/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
110	Hồ Thị Yến Nhi	11/10/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
111	Lê Thị Yến Nhi	03/11/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
112	Phan Thị Như	26/01/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
113	Hoàng Công Phúc	01/08/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
114	Nguyễn Thị Hoài Phương	27/05/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
115	Nguyễn Thị Phương Thảo	14/04/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
116	Tạ Thị Hoa Thơm	26/10/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
117	Nguyễn Thị Anh Thư	07/09/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
118	Đoàn Quốc Toàn	04/01/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
119	Nguyễn Xuân Trường	27/09/2004	NA Đan Phượng 1 K13	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
120	Phùng Văn Tuấn	23/06/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
121	Đàm Thị Hà Vi	05/10/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
122	Thái Anh Vinh	11/02/2004	NA Đan Phượng 1 K13	
123	Nguyễn Bá Tuấn Anh	20/06/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
124	Đỗ Việt Anh	25/05/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
125	Nguyễn Đức Anh	10/12/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
126	Nguyễn Vân Anh	25/10/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
127	Phí Thị Phương Anh	01/08/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
128	Nguyễn Danh Bình	01/04/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
129	Nguyễn Văn Du	22/05/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
130	Đàm Thị Dung	04/11/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
131	Nguyễn Phương Dung	03/07/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
132	Phạm Thùy Dung	20/06/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
133	Nguyễn Mạnh Đạt	27/12/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
134	Lê Anh Đức	22/07/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
135	Bùi Minh Hiếu	07/02/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
136	Nguyễn Tiến Huy	25/10/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
137	Nguyễn Văn Huy	26/04/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
138	Phạm Khánh Huyền	02/10/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
139	Nguyễn Chí Hưng	13/09/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
140	Phạm Hồng Khánh	02/09/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
141	Trần Ngọc Khuê	06/07/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
142	Nguyễn Thái Lai	11/02/2003	NA Đan Phượng 2 K13	
143	Đỗ Hương Lan	06/01/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
144	Dương Thị Linh	12/09/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
145	Đỗ Thị Mai	11/12/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
146	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	11/05/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
147	Đỗ Thị Thu Nguyệt	26/08/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
148	Nguyễn Ánh Nguyệt	09/01/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
149	Đỗ Thị Kim Oanh	02/09/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
150	Nguyễn Đức Tâm	19/10/2004	NA Đan Phượng 2 K13	

VÀ X
 CÔNG
 C CÀI
 NẤU A
 ĐU L
 TRAP
 NCI
 ION

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
151	Nguyễn Thị Thu Thảo	17/06/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
152	Đỗ Thị Thắm	02/11/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
153	Nguyễn Bá Thắng	20/12/2003	NA Đan Phượng 2 K13	
154	Nguyễn Xuân Thắng	23/07/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
155	Tạ Văn Thịnh	22/06/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
156	Nguyễn Thị Thơm	07/08/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
157	Nguyễn Xuân Thương	18/11/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
158	Đàm Thị Thu Trang	11/09/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
159	Nguyễn Thanh Tuyền	19/04/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
160	Hoàng Quốc Việt	23/08/2004	NA Đan Phượng 2 K13	
161	Phùng Việt Anh	12/04/2003	NA Sóc Sơn K13	
162	Tạ Thanh Bình	10/09/2004	NA Sóc Sơn K13	
163	Nguyễn Thị Duyên	01/08/2004	NA Sóc Sơn K13	
164	Nguyễn Tiến Đạt	20/11/2004	NA Sóc Sơn K13	
165	Nguyễn Tiến Đạt	10/01/2004	NA Sóc Sơn K13	
166	Nguyễn Văn Đình	14/12/2004	NA Sóc Sơn K13	
167	La Văn Đức	15/06/2004	NA Sóc Sơn K13	
168	Ngô Văn Đức	30/05/2004	NA Sóc Sơn K13	
169	Nguyễn Thị Hoa Gion	18/06/2004	NA Sóc Sơn K13	
170	Nguyễn Thị Hà	25/08/2004	NA Sóc Sơn K13	
171	Nguyễn Thị Thu Hà	03/10/2004	NA Sóc Sơn K13	
172	Nguyễn Thị Thanh Hiền	19/10/2004	NA Sóc Sơn K13	
173	Nguyễn Thanh Hoa	27/05/2004	NA Sóc Sơn K13	
174	Nguyễn Thị Hoa	02/10/2004	NA Sóc Sơn K13	
175	La Văn Hoàng	02/04/2004	NA Sóc Sơn K13	
176	Nguyễn Văn Hùng	10/07/2003	NA Sóc Sơn K13	
177	Nguyễn Quang Huy	11/12/2003	NA Sóc Sơn K13	
178	Hoàng Thanh Huyền	16/09/2004	NA Sóc Sơn K13	
179	Nguyễn Thị Hồng Huyền	15/04/2004	NA Sóc Sơn K13	
180	Ngô Thị Kiều	23/08/2004	NA Sóc Sơn K13	
181	Đặng Thùy Linh	21/11/2004	NA Sóc Sơn K13	

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
182	Nguyễn Hồng Linh	19/08/2003	NA Sóc Sơn K13	
183	Nguyễn Thị Lương	20/03/2004	NA Sóc Sơn K13	
184	La Văn Minh	30/12/2004	NA Sóc Sơn K13	
185	Nguyễn Thúy Mỹ	17/07/2003	NA Sóc Sơn K13	
186	Hà Thị Ngân	02/10/2004	NA Sóc Sơn K13	
187	Đào Thị Ngọc	23/06/2004	NA Sóc Sơn K13	
188	Lê Thị Mỹ Tâm	13/06/2004	NA Sóc Sơn K13	
189	Nguyễn Thị Thanh Tâm	09/06/2004	NA Sóc Sơn K13	
190	Đỗ Phương Thảo	18/10/2004	NA Sóc Sơn K13	
191	Nguyễn Thị Thảo	19/01/2004	NA Sóc Sơn K13	
192	Hà Thị Thoa	06/01/2003	NA Sóc Sơn K13	
193	Hà Thị Thò	28/10/2004	NA Sóc Sơn K13	
194	Ngô Thị Thơm	30/11/2004	NA Sóc Sơn K13	
195	Nguyễn Minh Thu	07/09/2004	NA Sóc Sơn K13	
196	Nguyễn Thị Thu	08/05/2004	NA Sóc Sơn K13	
197	Nguyễn Thành Thuật	07/05/2004	NA Sóc Sơn K13	
198	Nguyễn Văn Trí	24/07/2004	NA Sóc Sơn K13	
199	Nguyễn Hoàng Tùng	06/09/2004	NA Sóc Sơn K13	
200	Lưu Thị Tuyền	13/07/2003	NA Sóc Sơn K13	
201	Trần Hồng Vân	05/04/2004	NA Sóc Sơn K13	
202	Nguyễn Đức Việt	04/11/2004	NA Sóc Sơn K13	
203	Nguyễn Xuân Tiến	05/12/2004	NA Sóc Sơn K13	
204	Đàm Thị Thu Hà	08/12/2004	MTT Phúc Thọ K13	
205	Lê Thị Thu Hương	30/08/2003	MTT Phúc Thọ K13	
206	Tạ Thị Ngọc Lan	30/11/2004	MTT Phúc Thọ K13	
207	Nguyễn Khánh Linh	05/02/2004	MTT Phúc Thọ K13	
208	Nguyễn Thị Ánh Ly	05/11/2003	MTT Phúc Thọ K13	
209	Nguyễn Thị Phương Ly	06/10/2004	MTT Phúc Thọ K13	
210	Khuất Thị Nga	29/11/2004	MTT Phúc Thọ K13	
211	Nguyễn Thị Nga	18/11/2004	MTT Phúc Thọ K13	
212	Nguyễn Thị Bích Ngọc	01/12/2004	MTT Phúc Thọ K13	



TT	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Ghi chú
213	Trần Thị Hồng Ngọc	12/11/2004	MTT Phúc Thọ K13	
214	Khuất Thị Hồng Nhung	16/08/2004	MTT Phúc Thọ K13	
215	Đỗ Thị Như Quỳnh	05/01/2004	MTT Phúc Thọ K13	
216	Khuất Thị Thúy	16/12/2004	MTT Phúc Thọ K13	
217	Tô Thị Lê Thùy	20/06/2003	MTT Phúc Thọ K13	
218	Nguyễn Thị Trang	15/12/2004	MTT Phúc Thọ K13	
219	Nguyễn Thị Như Trúc	03/09/2004	MTT Phúc Thọ K13	
220	Nguyễn Thị Tố Chinh	22/05/2003	MTT Phúc Thọ K12	
221	Nguyễn Thị Hương	18/07/2003	MTT Phúc Thọ K12	
222	Khuất Thị Hải Yến	19/07/2003	MTT Phúc Thọ K12	

Số: 126 /QĐ-NADLTT

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho học sinh hệ Trung cấp nghề
Kỹ thuật chế biến món ăn NA6; NA.Phú Xuyên; Kỹ thuật pha chế đồ uống
PC.Đồng Đa 1,2; PC.Kim Chung khóa 13 và học sinh thi cùng đợt**

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TCN NẤU ĂN - NGHIỆP VỤ DU LỊCH VÀ THỜI TRANG HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 8199/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sáp nhập Trường trung cấp nghề May và Thời trang Hà Nội vào Trường trung cấp nghề Nấu ăn và Nghiệp vụ khách sạn Hà Nội và tổ chức lại Trường trung cấp nghề Nấu ăn và Nghiệp vụ khách sạn Hà Nội trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Biên bản họp xét kết quả tốt nghiệp lớp Trung cấp nghề Kỹ thuật chế biến món ăn NA6; NA.Phú Xuyên; Kỹ thuật pha chế đồ uống PC.Đồng Đa 1,2; PC.Kim Chung khóa 13 và học sinh thi cùng đợt của Hội đồng thi tốt nghiệp khóa 13 ngày 08/4/2022;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Trung cấp nghề cho 112 học sinh lớp Trung cấp nghề Kỹ thuật chế biến món ăn NA6; NA.Phú Xuyên; Kỹ thuật pha chế đồ uống PC.Đồng Đa 1,2; PC.Kim Chung khóa 13 và học sinh thi cùng đợt (có danh sách kèm theo)

Trong đó:

Lớp NA6 - K13	: 19 học sinh
Lớp NA.Phú Xuyên - K13	: 36 học sinh
Lớp PC.Đồng Đa 1 - K13	: 10 học sinh
Lớp PC.Đồng Đa 2 - K13	: 14 học sinh
Lớp PC.Kim Chung - K13	: 16 học sinh
Học sinh thi cùng đợt	: 17 học sinh

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Phòng Tổ chức hành chính, Bộ phận Kế toán và các em học sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT,ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Hùng



DANH SÁCH CÔNG NHẬN HỌC SINH TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP NGHỀ KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN NA6;
KỸ THUẬT PHA CHẾ ĐỒ UỐNG PC.ĐÔNG ĐA 1,2;
TC/KIM CHUNG KHÓA 13 VÀ HỌC SINH THI CÙNG ĐỢT

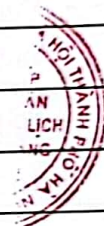
(Ban hành kèm theo Quyết định số 126 /QĐ-NADLTT ngày 12/4/2022 của Hiệu trưởng trường TCN Nấu ăn- NVDL và Thời trang Hà Nội)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	Từ Văn Chiến	05/09/2000	NA6 K13	
2	Nguyễn Thiên Cường	08/08/1999	NA6 K13	
3	Đặng Nho Dũng	03/10/2000	NA6 K13	
4	Hồ Văn Đại	29/10/1999	NA6 K13	
5	Hoàng Thị Hậu	27/11/2000	NA6 K13	
6	Phan Tiến Hoàng	17/12/1999	NA6 K13	
7	Nguyễn Duy Hồng	08/12/1998	NA6 K13	
8	Khuất Duy Hùng	18/12/1999	NA6 K13	
9	Nguyễn Khánh Linh	07/09/2004	NA6 K13	
10	Vũ Đoàn Linh	19/09/1997	NA6 K13	
11	Vũ Đức Long	21/6/2000	NA6 K13	
12	Phạm Trung Lực	15/02/1995	NA6 K13	
13	Dư Văn Minh	04/09/2001	NA6 K13	
14	Đỗ Nhật Minh	03/09/2000	NA6 K13	
15	Trịnh Xuân Nghĩa	30/03/1995	NA6 K13	
16	Trịnh Thúy Phương	03/04/1993	NA6 K13	
17	Lê Thanh Quân	19/06/1997	NA6 K13	
18	Lương Danh Thịnh	21/01/1999	NA6 K13	
19	Dương Phan Tú	15/05/2015	NA6 K13	
20	Phùng Duy Hiên	14/08/2004	NA2- K13	Thi TN cùng đợt
21	Trần Minh Hiếu	22/11/2000	NA2- K13	Thi TN cùng đợt
22	Nguyễn Mạnh Duy	19/12/2001	NA4- K13	Thi TN cùng đợt
23	Nguyễn Đức Mạnh	07/10/2001	NA4- K13	Thi TN cùng đợt
24	Nguyễn Sỹ Thành	01/03/2000	NA5- K13	Thi TN cùng đợt
25	Phạm Thành Luân	30/11/2004	NA5- K13	Thi TN cùng đợt



26	Nguyễn Ngọc Ánh	18/03/2004	Bánh - K13	Thi TN cùng đợt
27	Nguyễn Thu Ngọc	11/09/2004	Bánh - K13	Thi TN cùng đợt
28	Phạm Văn Tú	23/07/2001	PCGK- K13	Thi TN cùng đợt
29	Lương Minh Quý	28/11/2001	PCGK- K13	Thi TN cùng đợt
30	Vũ Thị Hương Giang	14/09/2004	MTT Phúc Thọ K13	Thi TN cùng đợt
31	Cù Đình Kim Long	06/09/2004	NA Đan Phượng 2 K13	Thi TN cùng đợt
32	Nguyễn Hữu Thân	29/01/2004	NA Đan Phượng 2 K13	Thi TN cùng đợt
33	Nguyễn Thị Yến	03/04/2004	NA Đan Phượng 2 K13	Thi TN cùng đợt
34	Nguyễn Thị Vân Anh	30/03/2004	NA Phú Xuyên K13	
35	Nguyễn Lê Công	09/12/2004	NA Phú Xuyên K13	
36	Nguyễn Tùng Dương	27/09/2004	NA Phú Xuyên K13	
37	Lê Tiến Đạt	29/01/2004	NA Phú Xuyên K13	
38	Nguyễn Thị Hương Giang	14/09/2004	NA Phú Xuyên K13	
39	Vũ Trường Giang	30/12/2004	NA Phú Xuyên K13	
40	Bùi Văn Giàu	13/03/2004	NA Phú Xuyên K13	
41	Đỗ Thu Hà	20/11/2004	NA Phú Xuyên K13	
42	Nguyễn Thị Thu Hà	05/08/2004	NA Phú Xuyên K13	
43	Vũ Thị Thanh Hà	28/11/2004	NA Phú Xuyên K13	
44	Phan Thị Hải	06/04/2004	NA Phú Xuyên K13	
45	Nguyễn Thị Hậu	18/09/2004	NA Phú Xuyên K13	
46	Dương Công Hiệp	02/07/2004	NA Phú Xuyên K13	
47	Vũ Ngọc Huy	21/09/2003	NA Phú Xuyên K13	
48	Dương Khánh Huyền	28/12/2004	NA Phú Xuyên K13	
49	Đào Quyền Linh	12/02/2004	NA Phú Xuyên K13	
50	Nguyễn Đức Long	25/04/2004	NA Phú Xuyên K13	
51	Nguyễn Hoàng Long	30/09/2004	NA Phú Xuyên K13	
52	Đặng Thị Cẩm Ly	20/05/2004	NA Phú Xuyên K13	
53	Nguyễn Đức Mạnh	29/07/2004	NA Phú Xuyên K13	
54	Nguyễn Văn Mạnh	02/11/2004	NA Phú Xuyên K13	

55	Nguyễn Hồng Minh	15/01/2003	NA Phú Xuyên K13	
56	Nguyễn Thị Thùy Ngân	12/01/2004	NA Phú Xuyên K13	
57	Nguyễn Hồng Ngọc	18/11/2004	NA Phú Xuyên K13	
58	Nguyễn Hồng Nhung	02/01/2004	NA Phú Xuyên K13	
59	Hồ Thị Quỳnh	01/12/2004	NA Phú Xuyên K13	
60	Nguyễn Văn Quỳnh	26/07/2004	NA Phú Xuyên K13	
61	Nguyễn Đức Thịnh	12/11/2004	NA Phú Xuyên K13	
62	Nguyễn Thị Thơ	30/12/2004	NA Phú Xuyên K13	
63	Vũ Nguyễn Anh Thơ	23/09/2004	NA Phú Xuyên K13	
64	Vũ Mạnh Tường	25/05/2004	NA Phú Xuyên K13	
65	Phạm Thị Thùy Trang	10/06/2004	NA Phú Xuyên K13	
66	Nguyễn Văn Trường	20/01/2004	NA Phú Xuyên K13	
67	Nguyễn Anh Tuấn	04/12/2004	NA Phú Xuyên K13	
68	Nguyễn Văn Vinh	22/09/2004	NA Phú Xuyên K13	
69	Phạm Đào Vũ	29/12/2003	NA Phú Xuyên K13	
70	Vũ Quốc Bảo	14/10/1997	PC Đống Đa 1 K13	
71	Nguyễn Thị Hoa	23/06/1985	PC Đống Đa 1 K13	
72	Nguyễn Thị Hoài	20/06/1994	PC Đống Đa 1 K13	
73	Đỗ Tuấn Hoàng	17/04/1994	PC Đống Đa 1 K13	
74	Phạm Thị Loan	26/05/1989	PC Đống Đa 1 K13	
75	Trần Thị Phương Thảo	13/09/2000	PC Đống Đa 1 K13	
76	Lê Thị Anh Thư	04/11/2002	PC Đống Đa 1 K13	
77	Hoàng Minh Trang	17/04/1997	PC Đống Đa 1 K13	
78	Trần Văn Trung	27/08/2004	PC Đống Đa 1 K13	
79	Trần Lệ Thủy	05/09/2004	PC Đống Đa 1 K13	
80	Vũ Hồng An	31/08/2000	PC Đống Đa 2 K13	
81	Đỗ Hùng Cường	19/01/2004	PC Đống Đa 2 K13	
82	Mai Thùy Dương	28/06/2004	PC Đống Đa 2 K13	
83	Nguyễn Minh Đức	16/01/2004	PC Đống Đa 2 K13	
84	Lý Bảo Hoa	7/3/2004	PC Đống Đa 2 K13	



85	Lý Mạnh Khang	01/02/2004	PC Đồng Đa 2 K13	
86	Hoàng Thị An Khanh	10/12/2004	PC Đồng Đa 2 K13	
87	Nguyễn Hải Linh	09/09/2004	PC Đồng Đa 2 K13	
88	Nguyễn Thị Trà Mi	15/08/2004	PC Đồng Đa 2 K13	
89	Phan Trung Quân	30/10/2004	PC Đồng Đa 2 K13	
90	Trịnh Minh Tài	21/07/2002	PC Đồng Đa 2 K13	
91	Trần Thị Thu Thảo	28/3/2004	PC Đồng Đa 2 K13	
92	Đoàn Hoàng Bá Thọ	08/11/2004	PC Đồng Đa 2 K13	
93	Đặng Hữu Tuấn	15/06/2004	PC Đồng Đa 2 K13	
94	Nguyễn Thị Hồng Ánh	07/04/2004	PC Kim Chung K13	
95	Nguyễn Tiến Cường	04/03/2003	PC Kim Chung K13	
96	Mâu Danh Dũng	10/08/2004	PC Kim Chung K13	
97	Trần Quang Đông	26/10/2004	PC Kim Chung K13	
98	Mâu Danh Hà	04/04/2004	PC Kim Chung K13	
99	Nguyễn Văn Hiếu	14/10/2004	PC Kim Chung K13	
100	Bùi Hữu Huy	08/03/2004	PC Kim Chung K13	
101	Bùi Hữu Mạnh	20/12/2003	PC Kim Chung K13	
102	Lê Thiên Khánh	07/04/2004	PC Kim Chung K13	
103	Nguyễn Thị Phương Nga	04/01/2004	PC Kim Chung K13	
104	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	06/11/2004	PC Kim Chung K13	
105	Lê Thiên Tá	26/02/2004	PC Kim Chung K13	
106	Nguyễn Thị Thúy	21/08/2003	PC Kim Chung K13	
107	Nguyễn Thị Huyền Trang	12/01/2004	PC Kim Chung K13	
108	Nguyễn Thị Yến	10/02/2004	PC Kim Chung K13	
109	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	11/01/2004	PC Kim Chung K13	
110	Đỗ Thị Thùy Dương	08/10/2003	PC Kim Chung 2-K12	Thi TN cùng đợt
111	Vương Thị Ngân	06/09/2003	PC Kim Chung 2-K12	Thi TN cùng đợt
112	Tạ Hoàng Sơn	24/08/2003	PC Kim Chung 2-K12	Thi TN cùng đợt

Số: 126 /QĐ-NADLTT

Hà Nội, ngày 12 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho học sinh hệ Trung cấp nghề
Kỹ thuật chế biến món ăn NA6; NA.Phú Xuyên; Kỹ thuật pha chế đồ uống
PC.Đồng Đa 1,2; PC.Kim Chung khóa 13 và học sinh thi cùng đợt

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TCN NẤU ĂN - NGHIỆP VỤ DU LỊCH VÀ THỜI TRANG HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 8199/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sáp nhập Trường trung cấp nghề May và Thời trang Hà Nội vào Trường trung cấp nghề Nấu ăn và Nghiệp vụ khách sạn Hà Nội và tổ chức lại Trường trung cấp nghề Nấu ăn và Nghiệp vụ khách sạn Hà Nội trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Biên bản họp xét kết quả tốt nghiệp lớp Trung cấp nghề Kỹ thuật chế biến món ăn NA6; NA.Phú Xuyên; Kỹ thuật pha chế đồ uống PC.Đồng Đa 1,2; PC.Kim Chung khóa 13 và học sinh thi cùng đợt của Hội đồng thi tốt nghiệp khóa 13 ngày 08/4/2022;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Trung cấp nghề cho 112 học sinh lớp Trung cấp nghề Kỹ thuật chế biến món ăn NA6; NA.Phú Xuyên; Kỹ thuật pha chế đồ uống PC.Đồng Đa 1,2; PC.Kim Chung khóa 13 và học sinh thi cùng đợt (có danh sách kèm theo)

Trong đó:

Lớp NA6 - K13	:	19 học sinh
Lớp NA.Phú Xuyên - K13	:	36 học sinh
Lớp PC.Đồng Đa 1 - K13	:	10 học sinh
Lớp PC.Đồng Đa 2 - K13	:	14 học sinh
Lớp PC.Kim Chung - K13	:	16 học sinh
Học sinh thi cùng đợt	:	17 học sinh

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Phòng Tổ chức hành chính, Bộ phận Kế toán và các em học sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này././✓

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT,ĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Hùng



**DANH SÁCH CÔNG NHẬN HỌC SINH TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP NGHỀ KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN NA6;
NĂP HUYỀN; KỸ THUẬT PHA CHẾ ĐỒ UỐNG PC.ĐÓNG ĐÁ 1,2;
PC.KIM CHUNG KHÓA 13 VÀ HỌC SINH THI CÙNG ĐỢT**

(Bản) kèm theo Quyết định số 426 /QĐ-NADLTT ngày 12/4/2022 của Hiệu trưởng trường TCN Nấu ăn- NVDL và Thời trang Hà Nội)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	Từ Văn Chiến	05/09/2000	NA6 K13	
2	Nguyễn Thiên Cường	08/08/1999	NA6 K13	
3	Đặng Nho Dũng	03/10/2000	NA6 K13	
4	Hồ Văn Đại	29/10/1999	NA6 K13	
5	Hoàng Thị Hậu	27/11/2000	NA6 K13	
6	Phan Tiến Hoàng	17/12/1999	NA6 K13	
7	Nguyễn Duy Hồng	08/12/1998	NA6 K13	
8	Khuất Duy Hùng	18/12/1999	NA6 K13	
9	Nguyễn Khánh Linh	07/09/2004	NA6 K13	
10	Vũ Đoàn Linh	19/09/1997	NA6 K13	
11	Vũ Đức Long	21/6/2000	NA6 K13	
12	Phạm Trung Lực	15/02/1995	NA6 K13	
13	Dư Văn Minh	04/09/2001	NA6 K13	
14	Đỗ Nhật Minh	03/09/2000	NA6 K13	
15	Trịnh Xuân Nghĩa	30/03/1995	NA6 K13	
16	Trịnh Thúy Phương	03/04/1993	NA6 K13	
17	Lê Thanh Quân	19/06/1997	NA6 K13	
18	Lương Danh Thịnh	21/01/1999	NA6 K13	
19	Dương Phan Tú	15/05/2015	NA6 K13	
20	Phùng Duy Hiên	14/08/2004	NA2- K13	Thi TN cùng đợt
21	Trần Minh Hiếu	22/11/2000	NA2- K13	Thi TN cùng đợt
22	Nguyễn Mạnh Duy	19/12/2001	NA4- K13	Thi TN cùng đợt
23	Nguyễn Đức Mạnh	07/10/2001	NA4- K13	Thi TN cùng đợt
24	Nguyễn Sỹ Thành	01/03/2000	NA5- K13	Thi TN cùng đợt
25	Phạm Thành Luân	30/11/2004	NA5- K13	Thi TN cùng đợt



26	Nguyễn Ngọc Ánh	18/03/2004	Bánh - K13	Thi TN cùng đợt
27	Nguyễn Thu Ngọc	11/09/2004	Bánh - K13	Thi TN cùng đợt
28	Phạm Văn Tú	23/07/2001	PCGK- K13	Thi TN cùng đợt
29	Lương Minh Quý	28/11/2001	PCGK- K13	Thi TN cùng đợt
30	Vũ Thị Hương Giang	14/09/2004	MTT Phúc Thọ K13	Thi TN cùng đợt
31	Cù Đình Kim Long	06/09/2004	NA Đan Phượng 2 K13	Thi TN cùng đợt
32	Nguyễn Hữu Thân	29/01/2004	NA Đan Phượng 2 K13	Thi TN cùng đợt
33	Nguyễn Thị Yến	03/04/2004	NA Đan Phượng 2 K13	Thi TN cùng đợt
34	Nguyễn Thị Vân Anh	30/03/2004	NA Phú Xuyên K13	
35	Nguyễn Lê Công	09/12/2004	NA Phú Xuyên K13	
36	Nguyễn Tùng Dương	27/09/2004	NA Phú Xuyên K13	
37	Lê Tiến Đạt	29/01/2004	NA Phú Xuyên K13	
38	Nguyễn Thị Hương Giang	14/09/2004	NA Phú Xuyên K13	
39	Vũ Trường Giang	30/12/2004	NA Phú Xuyên K13	
40	Bùi Văn Giàu	13/03/2004	NA Phú Xuyên K13	
41	Đỗ Thu Hà	20/11/2004	NA Phú Xuyên K13	
42	Nguyễn Thị Thu Hà	05/08/2004	NA Phú Xuyên K13	
43	Vũ Thị Thanh Hà	28/11/2004	NA Phú Xuyên K13	
44	Phan Thị Hải	06/04/2004	NA Phú Xuyên K13	
45	Nguyễn Thị Hậu	18/09/2004	NA Phú Xuyên K13	
46	Dương Công Hiệp	02/07/2004	NA Phú Xuyên K13	
47	Vũ Ngọc Huy	21/09/2003	NA Phú Xuyên K13	
48	Dương Khánh Huyền	28/12/2004	NA Phú Xuyên K13	
49	Đào Quyền Linh	12/02/2004	NA Phú Xuyên K13	
50	Nguyễn Đức Long	25/04/2004	NA Phú Xuyên K13	
51	Nguyễn Hoàng Long	30/09/2004	NA Phú Xuyên K13	
52	Đặng Thị Cẩm Ly	20/05/2004	NA Phú Xuyên K13	
53	Nguyễn Đức Mạnh	29/07/2004	NA Phú Xuyên K13	
54	Nguyễn Văn Mạnh	02/11/2004	NA Phú Xuyên K13	

55	Nguyễn Hồng Minh	15/01/2003	NA Phú Xuyên K13	
56	Nguyễn Thị Thùy Ngân	12/01/2004	NA Phú Xuyên K13	
57	Nguyễn Hồng Ngọc	18/11/2004	NA Phú Xuyên K13	
58	Nguyễn Hồng Nhung	02/01/2004	NA Phú Xuyên K13	
59	Hồ Thị Quỳnh	01/12/2004	NA Phú Xuyên K13	
60	Nguyễn Văn Quỳnh	26/07/2004	NA Phú Xuyên K13	
61	Nguyễn Đức Thịnh	12/11/2004	NA Phú Xuyên K13	
62	Nguyễn Thị Thơ	30/12/2004	NA Phú Xuyên K13	
63	Vũ Nguyễn Anh Thơ	23/09/2004	NA Phú Xuyên K13	
64	Vũ Mạnh Tường	25/05/2004	NA Phú Xuyên K13	
65	Phạm Thị Thùy Trang	10/06/2004	NA Phú Xuyên K13	
66	Nguyễn Văn Trường	20/01/2004	NA Phú Xuyên K13	
67	Nguyễn Anh Tuấn	04/12/2004	NA Phú Xuyên K13	
68	Nguyễn Văn Vinh	22/09/2004	NA Phú Xuyên K13	
69	Phạm Đào Vũ	29/12/2003	NA Phú Xuyên K13	
70	Vũ Quốc Bảo	14/10/1997	PC Đồng Đa 1 K13	
71	Nguyễn Thị Hoa	23/06/1985	PC Đồng Đa 1 K13	
72	Nguyễn Thị Hoài	20/06/1994	PC Đồng Đa 1 K13	
73	Đỗ Tuấn Hoàng	17/04/1994	PC Đồng Đa 1 K13	
74	Phạm Thị Loan	26/05/1989	PC Đồng Đa 1 K13	
75	Trần Thị Phương Thảo	13/09/2000	PC Đồng Đa 1 K13	
76	Lê Thị Anh Thư	04/11/2002	PC Đồng Đa 1 K13	
77	Hoàng Minh Trang	17/04/1997	PC Đồng Đa 1 K13	
78	Trần Văn Trung	27/08/2004	PC Đồng Đa 1 K13	
79	Trần Lệ Thủy	05/09/2004	PC Đồng Đa 1 K13	
80	Vũ Hồng An	31/08/2000	PC Đồng Đa 2 K13	
81	Đỗ Hùng Cường	19/01/2004	PC Đồng Đa 2 K13	
82	Mai Thùy Dương	28/06/2004	PC Đồng Đa 2 K13	
83	Nguyễn Minh Đức	16/01/2004	PC Đồng Đa 2 K13	
84	Lý Bảo Hoa	7/3/2004	PC Đồng Đa 2 K13	



85	Lý Mạnh Khang	01/02/2004	PC Đồng Đa 2 K13	
86	Hoàng Thị An Khanh	10/12/2004	PC Đồng Đa 2 K13	
87	Nguyễn Hải Linh	09/09/2004	PC Đồng Đa 2 K13	
88	Nguyễn Thị Trà Mi	15/08/2004	PC Đồng Đa 2 K13	
89	Phan Trung Quân	30/10/2004	PC Đồng Đa 2 K13	
90	Trịnh Minh Tài	21/07/2002	PC Đồng Đa 2 K13	
91	Trần Thị Thu Thảo	28/3/2004	PC Đồng Đa 2 K13	
92	Đoàn Hoàng Bá Thọ	08/11/2004	PC Đồng Đa 2 K13	
93	Đặng Hữu Tuấn	15/06/2004	PC Đồng Đa 2 K13	
94	Nguyễn Thị Hồng Ánh	07/04/2004	PC Kim Chung K13	
95	Nguyễn Tiến Cường	04/03/2003	PC Kim Chung K13	
96	Mâu Danh Dũng	10/08/2004	PC Kim Chung K13	
97	Trần Quang Đông	26/10/2004	PC Kim Chung K13	
98	Mâu Danh Hà	04/04/2004	PC Kim Chung K13	
99	Nguyễn Văn Hiếu	14/10/2004	PC Kim Chung K13	
100	Bùi Hữu Huy	08/03/2004	PC Kim Chung K13	
101	Bùi Hữu Mạnh	20/12/2003	PC Kim Chung K13	
102	Lê Thiên Khánh	07/04/2004	PC Kim Chung K13	
103	Nguyễn Thị Phương Nga	04/01/2004	PC Kim Chung K13	
104	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	06/11/2004	PC Kim Chung K13	
105	Lê Thiên Tá	26/02/2004	PC Kim Chung K13	
106	Nguyễn Thị Thúy	21/08/2003	PC Kim Chung K13	
107	Nguyễn Thị Huyền Trang	12/01/2004	PC Kim Chung K13	
108	Nguyễn Thị Yến	10/02/2004	PC Kim Chung K13	
109	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	11/01/2004	PC Kim Chung K13	
110	Đỗ Thị Thùy Dương	08/10/2003	PC Kim Chung 2-K12	Thi TN cùng đợt
111	Vương Thị Ngân	06/09/2003	PC Kim Chung 2-K12	Thi TN cùng đợt
112	Tạ Hoàng Sơn	24/08/2003	PC Kim Chung 2-K12	Thi TN cùng đợt

Hà Nội, ngày 11 tháng 5 năm 2022

Số: 155/QĐ-NADLTT

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho học sinh hệ Trung cấp nghề
Kỹ thuật chế biến món ăn NA.Dương Hà khóa 13 và học sinh thi cùng đợt

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TCN NẤU ĂN - NGHIỆP VỤ DU LỊCH VÀ THỜI TRANG HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 8199/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sáp nhập Trường trung cấp nghề May và Thời trang Hà Nội vào Trường trung cấp nghề Nấu ăn và Nghiệp vụ khách sạn Hà Nội và tổ chức lại Trường trung cấp nghề Nấu ăn và Nghiệp vụ khách sạn Hà Nội trực thuộc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp;

Căn cứ Biên bản họp xét kết quả tốt nghiệp và khen thưởng lớp Trung cấp nghề Kỹ thuật chế biến món ăn NA.Dương Hà khóa 13 và học sinh thi cùng đợt ngày 11/5/2022;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Trung cấp nghề cho 38 học sinh lớp Trung cấp nghề Kỹ thuật chế biến món ăn NA.Dương Hà khóa 13 và học sinh thi cùng đợt (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Bộ phận Kế toán và các em học sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT,ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Hùng



DANH SÁCH CÔNG NHẬN HỌC SINH TỐT NGHIỆP
LỚP TRUNG CẤP NGHỀ KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN NA.DƯƠNG HÀ
KHÓA 13 VÀ HỌC SINH THI CÙNG ĐỢT
Đã hình thành theo Quyết định số 155 /QĐ-NADLTT ngày 11/5/2022 của Hiệu trưởng trường TCN Nấu ăn- NVDL và Thời trang Hà Nội)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Ngọc Bích	11/08/2004	NA.Dương Hà K13	
2	Tạ Thị Kim Chi	28/12/2003	NA.Dương Hà K13	
3	Nguyễn Thu Hoài	12/08/2004	NA.Dương Hà K13	
4	Đới Hoa Hồng	14/09/2004	NA.Dương Hà K13	
5	Lâm Thanh Hương	26/08/2004	NA.Dương Hà K13	
6	Lê Văn Hưng	26/02/2004	NA.Dương Hà K13	
7	Nguyễn Văn Hưng	07/10/2004	NA.Dương Hà K13	
8	Vũ Thu Hương	08/10/2004	NA.Dương Hà K13	
9	Trần Thị Kim Lan	17/12/2004	NA.Dương Hà K13	
10	Lê Thị Nga	28/10/2004	NA.Dương Hà K13	
11	Nguyễn Thành Thái	09/04/2004	NA.Dương Hà K13	
12	Thạch Phương Thùy	13/11/2004	NA.Dương Hà K13	
13	Nguyễn Thị Thúy	09/09/2003	NA.Dương Hà K13	
14	Nguyễn Thị Huyền Trang	21/10/2004	NA.Dương Hà K13	
15	Nguyễn Anh Tú	17/09/2004	NA.Dương Hà K13	
16	Nguyễn Bá Tùng	07/03/2004	NA.Dương Hà K13	
17	Nguyễn Thị Thảo Vân	29/02/2004	NA.Dương Hà K13	
18	Nguyễn Văn Việt	05/11/2004	NA.Dương Hà K13	
19	Vũ Đức Tuấn	23/10/2004	NA3 K13	Thi TN cùng đợt
20	Lê Hữu Phước	03/04/2004	NA2 K13	Thi TN cùng đợt
21	Trần Văn Thực	28/08/2000	NA6 K13	Thi TN cùng đợt
22	Nguyễn Văn Đăng	18/05/1996	NA7 K11	Thi TN cùng đợt
23	Kiều Đình Chiến	25/07/2004	NA Phú Xuyên K13	Thi TN cùng đợt
24	Phạm Văn Hậu	22/11/2004	NA Phú Xuyên K13	Thi TN cùng đợt
25	Phạm Ngọc Tuấn Minh	23/05/2003	NA Phú Xuyên K13	Thi TN cùng đợt
26	Nguyễn Thị Tú Phương	16/05/2004	NA Phú Xuyên K13	Thi TN cùng đợt
27	Phạm Đình Chiến	24/04/2002	PC.Đồng Đa 1 K13	Thi TN cùng đợt

28	Nguyễn Anh Thắng	07/09/2002	PC.Đồng Đa 1 K13	Thi TN cùng đợt
29	Trương Văn Thành	27/09/2004	PC.Đồng Đa 1 K13	Thi TN cùng đợt
30	Trương Anh Đức	05/09/2004	PC.Kim Chung K13	Thi TN cùng đợt
31	Phan Thị Thanh Nhân	25/12/2004	PC.Kim Chung K13	Thi TN cùng đợt
32	Đào Thị Oanh	14/06/2004	PC.Kim Chung K13	Thi TN cùng đợt
33	Nguyễn Duy Quang	11/12/2004	PC.Kim Chung K13	Thi TN cùng đợt
34	Nguyễn Chí Vững	23/03/2004	PC.Kim Chung K13	Thi TN cùng đợt
35	Nguyễn Tài Thành	04/07/2004	PC.Kim Chung K13	Thi TN cùng đợt
36	Nguyễn Đình Thịnh	05/08/2004	PC.Kim Chung K13	Thi TN cùng đợt
37	Đỗ Đức Trọng	21/09/2003	PC.Kim Chung K13	Thi TN cùng đợt
38	Nguyễn Đăng Tuấn	15/04/2004	PC.Kim Chung K13	Thi TN cùng đợt

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI
TRƯỜNG TCN NẤU ĂN-NGHIỆP VỤ DU LỊCH
VÀ THỜI TRANG HÀ NỘI

Số: 244/QĐ-NADLTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng cho học sinh hệ Trung cấp nghề
Kỹ thuật chế biến món ăn NA3 khóa 14 và học sinh thi cùng đợt

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TCN NẤU ĂN - NGHIỆP VỤ DU LỊCH VÀ THỜI TRANG HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 8199/QĐ -UBND ngày 29/11/2017 của UBND Thành phố Hà Nội về việc sáp nhập Trường trung cấp nghề May và Thời trang Hà Nội vào Trường trung cấp nghề Nấu ăn và Nghiệp vụ khách sạn Hà Nội và tổ chức lại Trường trung cấp nghề Nấu ăn và Nghiệp vụ khách sạn Hà Nội trực thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội Quy định việc tổ chức đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ;

Căn cứ Biên bản họp xét kết quả tốt nghiệp và khen thưởng lớp Trung cấp nghề Kỹ thuật chế biến món ăn NA3 khóa 14 và học sinh thi cùng đợt ngày 17/8/2022;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Trung cấp nghề cho 21 học sinh lớp Trung cấp nghề Kỹ thuật chế biến món ăn NA3 khóa 14 và học sinh thi cùng đợt (có danh sách kèm theo)

Trong đó: NA3 khóa 14: 20 học sinh

Học sinh thi cùng đợt: 01 học sinh

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng Phòng Đào tạo, Trưởng Phòng Tổ chức hành chính, Bộ phận Kế toán và các em học sinh có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*Nguyễn Xuân Hùng*

Nơi nhận: /*Nguyễn Xuân Hùng*

- Như điều 3;
- Lưu: VT,ĐT.



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Hùng



**DANH SÁCH CÔNG NHẬN HỌC SINH TỐT NGHIỆP
CÔNG TRƯNG CẤP NGHỀ KỸ THUẬT CHẾ BIẾN MÓN ĂN NA3 KHÓA 14
VÀ HỌC SINH THI CÙNG ĐỢT**

Bản hành kèm theo Quyết định số 244/QĐ-NADLTT ngày 17/8/2022 của Hiệu trưởng trường TCN Nấu ăn- NVDL và Thời trang Hà Nội)

TT	Họ và tên		Năm sinh	Tên lớp	Ghi chú
1	Lê Đức	Anh	05/11/2002	NA3 – K14	
2	Phạm Khắc	Dương	04/04/2002	NA3 – K14	
3	Phạm Minh	Đức	05/08/2002	NA3 – K14	
4	Lưu Văn	Huỳnh	29/09/1998	NA3 – K14	
5	Phạm Thanh	Hưng	06/11/2002	NA3 – K14	
6	Nguyễn Gia	Khánh	10/10/2001	NA3 – K14	
7	Trịnh Anh	Minh	15/12/2004	NA3 – K14	
8	Phạm Khắc	Nghĩa	23/01/2002	NA3 – K14	
9	Lê Diễm Quỳnh	Phương	22/02/2002	NA3 – K14	
10	Trương Minh	Quân	16/11/2002	NA3 – K14	
11	Nguyễn Văn	Thanh	15/03/2002	NA3 – K14	
12	Tạ Quang	Thành	23/11/1998	NA3 – K14	
13	Nguyễn Đức	Thịnh	26/12/1996	NA3 – K14	
14	Viết Anh	Thịnh	19/08/2000	NA3 – K14	
15	Phạm Ngọc	Thông	02/08/2002	NA3 – K14	
16	Nguyễn Văn	Tiến	22/10/2002	NA3 – K14	
17	Nguyễn Văn	Trung	29/11/2002	NA3 – K14	
18	Phạm Hà	Trung	10/08/2002	NA3 – K14	
19	Nguyễn Văn	Vững	18/01/2002	NA3 – K14	
20	Nguyễn Thị Hồng	Yến	12/08/2002	NA3 – K14	
21	Hồ Đăng	Tuấn	19/5/2001	NA5 – K13	Thi TN cùng đợt